

Khoái Châu, ngày 12 tháng 8 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24/7/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Chị: **Bùi Thị Ngọc B**, SN 1977.

Thường trú tại: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: Số B Tổ G, Ấp X, xã X, huyện H, TP Hồ Chí Minh.

- Anh: **Đào Quang T**, SN 1968.

Thường trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 22/10/2020, trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cho đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh T và chị B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn về cuộc sống, công việc, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, kinh tế riêng biệt. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020, mỗi người một nơi. Cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh T, chị B nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung:

Anh T và chị B khẳng định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại anh T, chị B đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí, lệ phí Tòa án: anh T, chị B thỏa thuận để chị B chịu toàn bộ và

nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Quang Thuấn và chị Bùi Thị Ngọc B.

- *Về con chung:* Anh T và chị B khẳng định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức với 2 bên gia đình nội, ngoại đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2/ Về lệ phí Tòa án:** Chị B tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Bùi Thị Ngọc B đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002219 ngày 24/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Phú Lâm, huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Việt Cường**